

Tên HS:

TUẦN 7

Bài 1. Số?

 +  = 
 + =

 +  = 
 + =

 +  = 
 + =

 +  = 
 + =

 +  = 
 + =

 +  = 
 + =

 +  = 
 + =

 +  = 
 + =

Bài 2. Tính:

$1 + 1 =$

$1 + 3 =$

$3 + 2 =$

$2 + 4 =$

$1 + 1 =$

$1 + 4 =$

$3 + 3 =$

$4 + 1 =$

$5 + 0 =$

$0 + 6 =$

$0 + 2 =$

$5 + 1 =$

$2 + 3 =$

$4 + 0 =$

$2 + 2 =$

$0 + 0 =$

Bài 5. Số?

+ 1 → + 2 → + 2 → + 2 →

+ 1 → 3 2 + 2 → + 2 → 6 1 + 2 →

Bài 6. <, >, =

$6 \dots 5$

$5 + 0 \dots 5$

$2 \dots 5$

$1 + 1 \dots 3 + 2$

$3 \dots 4$

$8 \dots 2 + 1$

$2 + 3 \dots 10$

$1 + 4 \dots 3 + 3$

$8 \dots 6$

$5 \dots 3 + 1$

$4 \dots 0 + 5$

$5 + 1 \dots 4 + 2$

Bài 7. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

- Số liền trước của 8 là:

- Số lớn nhất bé hơn 3 là:

- Số liền sau của 2 là:

- Số lớn nhất bé hơn 7 là:

- Số bé nhất có một chữ số là:

- Số bé nhất lớn hơn 4 là:

- Số lớn nhất có một chữ số là:

- Giữa 5 và 7 gồm các số:

Bài 8. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$2 = \dots$

$\dots < \dots < 2$

$\dots < \dots > \dots < 3$

$3 < \dots > \dots < 6$

$\dots = 6$

$2 > \dots > \dots$

$5 > \dots < \dots < 2$

$9 > \dots < \dots < 6$

$8 = \dots$

$9 > \dots > 7$

$4 < \dots > \dots > 7$

$7 < \dots > \dots < 10$

Bài 8: Viết phép tính thích hợp

$\square + \square = \square$



$\square + \square = \square$

